

Số: 167/2019/QĐST-HNGĐ

K, ngày 04 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Đức C; địa chỉ: Số 526 đường T, tổ L 3, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng;

- Bị đơn: Bà Vũ Thị L; địa chỉ: Số 526 đường T, tổ L 3, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị L.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị L thuận tình ly hôn.
 - Về việc nuôi con chung: Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị L có 02 con chung là Vũ Đức Tuấn A sinh ngày 01 tháng 9 năm 1990 và Vũ Đức T sinh ngày 03 tháng 01 năm 1998 đều đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng nên ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị L đều thống nhất về khối tài sản chung của vợ chồng, đã tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà. Cụ thể, ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị L có khối tài sản chung là 01 ngôi nhà 2,5 tầng xây dựng từ năm 2003, giá trị sử dụng còn lại trị giá 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Ngôi nhà được xây dựng trên diện tích đất 120m² số thửa 86; tờ bản đồ số 330591-2-b; số hiệu mảnh bản đồ gốc F-48-118-C-b-C1 thuộc tổ L 3, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà và sử dụng đất số 06b do Phòng xây dựng thị xã K cấp ngày 04 tháng 10 năm 1991 cho chủ sở hữu là ông Vũ Đức C. Đất này là tài sản riêng của ông Vũ Đức C. Ông Vũ Đức C nhận sử dụng nhà (tài sản chung), đất (tài sản riêng) và nhận trách nhiệm thanh toán trả bà Vũ Thị L 400.000. 000 (Bốn trăm triệu) đồng là ½ giá trị ngôi nhà tài sản riêng của vợ chồng. Ngoài ra ông Vũ Đức C còn tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà Vũ Thị L và 02 con là Vũ Đức Tuấn A và Vũ Đức T số tiền 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng để thiết lập nơi ở mới. Tổng số tiền ông Vũ Đức C phải thanh toán cho bà Vũ Thị L là 950.000.000 (Chín trăm năm mươi triệu) đồng.

- Về công nợ: Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị L mỗi người phải nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng chấp nhận sự tự nguyện của ông Vũ Đức C nhận nộp toàn bộ 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007360 ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị L đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí chia tài sản theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả ông Vũ Đức C 9.850.000 (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng còn lại theo biên lai trên.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án (Bà Vũ Thị L) có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên mà người phải thi hành án (Ông Vũ Đức C) chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND Q. K;
- Chi cục THADS Q. K;
- UBND phường V, Q. K;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thi Duyên